

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2024
V/v “Tranh chấp hôn
nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Hồng P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trương Hồng P trình bày:

Anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1991, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi sống chung anh P và chị N chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh P và chị N không còn sống chung từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hoàng S, sinh ngày 25/01/1992,

hiện nay Hoàng S đã thành niên. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh P và chị N không có nợ chung.

Nay anh P yêu cầu như sau:

1. Về hôn nhân: Anh Trương Hồng P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh P và chị N có 01 con chung tên Trương Hoàng S, sinh ngày 25/01/1992, hiện tại Hoàng S đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Út N: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N, chị N biết sự việc anh P yêu cầu giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng chị N không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ quan hệ chung sống giữa nguyên đơn Trương Hồng P với bị đơn Nguyễn Thị Út N là vợ chồng. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/02/2024, anh Trương Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ chung sống giữa anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N là vợ chồng, chị N cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Út N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N sống chung từ năm 1991 nhưng đến nay cũng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ chung sống giữa anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N không phải là vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Trương Hồng P xác định có 01 con chung tên Trương Hoàng S, sinh ngày 25/01/1992, hiện nay đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Hồng P xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy anh Trương Hồng P chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Út N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa anh Trương Hồng P và chị Nguyễn Thị Út N là vợ chồng.

2. Về con chung: Trương Hoàng S, sinh ngày 25/01/1992, đã thành niên, phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân. Anh Trương Hồng P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Hồng P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000065 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng như vậy anh Trương Hồng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Út N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trương Hồng P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Út N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng